ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI

TRƯỜNG MẦM NON HOẠ MI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM HỌC 2024- 2025

(Theo Quy định Thông tư 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 30/6/2024)

UBND TP ĐỒNG XOÀI
TRƯỜNG MN HOẠ MI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 252/BC- MNHM

Tân Phú, ngày 30 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2024- 2025
(Theo Quy định Thông tư 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 30/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ TRƯỜNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Hoạ Mi

2. Địa chỉ trụ sở trường:

- Khu phố Phú Cường, Phường Tân Phú, Thành Phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước
- Điện thoại: 0982.741.668
- Địa chỉ Gmail:
- Địa chỉ cổng thông tin điện tử: http://mnhoami.dongxoai.edu.vn/

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường mầm non công lập

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

* Sứ mệnh:

Trường mầm non Hoạ Mi cam kết mang đến môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và hạnh phúc cho trẻ. Nhà trường tạo cơ hội để trẻ khám phá, trải nghiệm và điều kiện cho các bé phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và trí tuệ, hình thành nhân cách, khơi dậy tiềm năng sáng tạo của trẻ thông qua các phương pháp giáo dục tiên tiến hiện đại và phù hợp với độ tuổi trẻ mầm non. Là địa chỉ tin cậy để cha mẹ trẻ em và nhân dân trên địa bàn Phường Tân Phú, các phường lân cận gửi các con. Là nơi để giáo viên và trẻ em có cơ hội thỏa sức sáng tạo, thích ứng các điều kiện tốt nhất giúp trẻ em toàn diện.

* Tầm nhìn:

Trường Mầm non Hoạ Mi luôn hướng tới việc trở thành ngôi trường mầm non có chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tốt nhất, nhà trường không ngừng đổi mới và ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới mà định hướng trở thành một ngôi trường hạnh phúc, nơi mà mỗi trẻ được phát triển trong một môi trường hạnh phúc và tôn trọng sự khác biệt.

* Mục tiêu chung:

Tạo môi trường học tập và vui chơi thoải mái, giúp trẻ phát triển một cách tự nhiên và hạnh phúc. Khuyến khích sự tương tác tích cực giữa cô giáo và trẻ, giữa các bé với nhau, tạo dựng sự tự tin và tinh thần tự chủ cho trẻ.

Đào tạo đội ngũ giáo viên có kiến thức, kỹ năng để thực hiện các phương pháp giáo dục tiên tiến, đồng thời luôn cập nhật các xu hướng giáo dục mới. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, tạo nền tảng cho việc giáo dục số, kết nối cha mẹ trẻ và nhà trường một cách hiệu quả. Sử dụng công nghệ để hỗ trợ việc theo dõi sự phát triển của trẻ, đồng thời cung cấp các công cụ học tập sáng tạo, phù hợp với từng lứa tuổi

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại. Nhà trường phấn đấu duy trì kiểm định chất lượng đạt mức độ 2 vào năm 2025-2026, duy trì trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, tạo môi trường học tập và phát triển tốt nhất cho trẻ em.

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường được thành lập ngày 06/06/2012, theo quyết định số 1885/2012/QĐ-UBND, ngày 06/06/2012 của UBND TP Đồng Xoài "Quyết định Thành lập trường Mầm non Hoạ Mi", do Phòng GD&ĐT Thị xã Đồng Xoài chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý. Nhà trường được công nhận trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào tháng 01 năm 2021.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, tập thể nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực vào sự nghiệp GD của địa phương, có nhiều CB, GV đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở được chủ tịch UBND Thành phố tặng giấy khen. Hằng năm, chi bộ Đảng luôn được công nhận là chi bộ hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Công đoàn, Chi đoàn thanh niên và BĐDCMHS đều hoạt động tích cực góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từng năm học.

Năm học 2024 - 2025, nhà trường đạt danh hiệu tập thể LĐXS được UBND tỉnh tặng cờ thi đua của khối mầm non Thành phố Đồng Xoài; có 80% cá nhân đạt danh hiệu LĐTT, có 14 GV đạt danh hiệu CSTĐ.

6. Thông tin đại diện người đại diện pháp luật

Họ và tên: Đồng Thị Huệ

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Hoạ Mi, Khu phố Phú Cường, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0982.741.668

Địa chỉ Gmail:

Tổ chức bộ máy tại thời điểm 31/8/2025

a. Quyết định thành lập trường

Trường Mầm non Hoạ Mi được thành lập từ ngày 06/06/2012 theo Quyết định số 1885/2012/QĐ-UBND ngày 06/06/2012 của UBND Thành Phố Đồng Xoài " Quyết định Thành lập trường Mầm non Hoạ Mi";

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và Danh sách thành viên Hội đồng trường

Quyết định số 746/QĐ-PGDĐT ngày 14/09/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Đồng Xoài Về việc thành lập Hội đồng trường mầm non Hoạ Mi kỳ 2021-2026.

Danh sách thành viên hội đồng trường Mầm non Hoạ Mi năm học 2024-2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Đồng Thị Huệ	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐT
2	Phạm Thị Ngọc Hằng	Phó hiệu trưởng	Thành viên
3	Lê Thị Tiến	Phó hiệu trưởng	Thành viên
4	Trần Thị Thu	Tổ trưởng Khối Lá	Thành viên
5	Đinh Thị Thắm	Tổ trưởng Khối chồi	Thành viên
6	Vũ Thị Ngoan	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thành viên
7	Phùng Thị Tâm	Tổ trưởng tổ nấu ăn	Thành viên
8	Trần Thị Thủy	Tổ trưởng Khối Mầm	Thành viên
9	Trần Thanh Thủy	Bí thư Chi đoàn	Thành viên

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cơ sở giáo dục

Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của UBND thành phố Đồng Xoài, Quyết định về việc điều động, bổ nhiệm bà Đồng Thị Huệ, Hiệu trưởng trường Mầm non Hoạ Mi, giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Mầm non Hoạ Mi kể từ ngày 08/07/2022

Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 08/07/2022 của UBND thành phố Đồng Xoài, , Quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức bà Phạm Thị Ngọc Hằng, giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường mầm non Hoạ Mi kể từ ngày 08/07/2022.

Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 23/1/2025 của UBND thành phố Đồng Xoái , Quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường mầm non Hoạ Mi đối với bà Lê Thị Tiến kể từ ngày 23 tháng 1 năm 2025 .

d. Quy chế tổ chức và hoạt động

*** Cơ chế hoạt động của trường Mầm non Hoạ Mi**

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình 3 cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn**

Trường mầm non Hoạ Mi được thành lập từ ngày 06/06/2012 theo Quyết định số 1885/2012/QĐ-UBND ngày 06/06/2012 của UBND Thị xã Đồng Xoài "Quyết định Thành lập trường mầm non Hoạ Mi"; Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, được quy hoạch xây dựng trường khang trang, hiện đại. Trường mầm non Hoạ Mi là cơ sở giáo dục mầm non trong hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT TP Đồng Xoài.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC

HIỆU TRƯỞNG
Đồng Thị Huệ

CHỦ TỊCH HĐT
Đồng Thị Huệ

CHỦ TỊCH HĐTĐKT
Đồng Thị Huệ

TRƯỞNG BAN TTND
Trần Thị Thu

BÍ THƯ CHI BỘ
Đồng Thị Huệ

CT CÔNG ĐOÀN
Trần Thị Thuỷ

BÍ THƯCĐTN
Trần Thanh Thuỷ

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Phạm Thị Ngọc Hằng

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Lê Thị Tiến

TỔ CẤP DƯỠNG

1. Phùng Thị Tâm
2. Nguyễn Thị Chung
3. Hoàng Thị Lúa
4. Vũ Thị Hoài
5. Lê Thị Hiền
6. Đinh Thị Thanh Tú
7. Nguyễn Thị Huệ
8. Đoàn Thị Én
9. Trần Thị Tin

TỔ CM Mầm- NT

- Bùi Thị Tam Nương
- Nguyễn Thị Hường
- Nguyễn Thị Chung
- Phạm Thị Xuân
- Nguyễn Thị Tâm
- Đặng Thị Liên
- Lê Thị Thu
- Phí Thị Ngoan
- Lê Thị Thanh Xuân
- Nguyễn Thị Định

TỔ CM CHỒI

- Đinh Thị Thắm
- Nguyễn Thị Thuỳ Trang
- Nguyễn Thị Bính
- Lê Thị Hiền
- Dương Thị Thảo
- Nguyễn Thị Vi Ni
- Bạch Thị Hồng Nhung
- Nguyễn Thị Lương
- Nguyễn Thị Thanh Hoa
- Nông Thị Doanh
- Nguyễn Thị Hà
- Phạm Thị Nhung

TỔ CM LÁ

- Trần Thị Thu
- Nguyễn Thị Tư
- Phùng Thị Thuý Hằng
- Phạm Thu Thuỷ
- Nguyễn Thị Thuý Kiều
- Nguyễn Diệu Thuỷ
- Nguyễn Thị Thanh Nhàn
- Lê Thị Vân Anh
- Trần Thị Thuỷ
- Trần Thị Điệp
- Nguyễn Thị Hương
- Nguyễn Hồng Hạnh
- Lê Thị Kim Hương
- Đàm Thị Thảo
- Nguyễn Thị Kiều Oanh
- Hoàng Thị Hạnh

TỔ VĂN PHÒNG

1. Lê Thị Minh Hải
2. Hoàng Thị Phượng
3. Vũ Thị Ngoan
4. Quách Thị Liễu
5. Phạm Văn Nhượng
6. Nguyễn Văn Hoan
7. Nguyễn Thị Hồng

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Đồng Thị Huệ	Hiệu trưởng	0982741668	
2	Phạm Thị Ngọc Hằng	P.Hiệu trưởng	0974103109	
3	Lê Thị Tiến	P.Hiệu trưởng		

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Hoạ Mi, Khu phố Phú Cường, Phường Tân Phú, TP Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.

e. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Chiến lược phát triển nhà trường thường xuyên được rà soát, bổ sung, chỉnh sửa chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025.

Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học 2024 - 2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp (Tự xếp loại)			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	
	Tổng số CBQL,GV,NV	**59**													
I	**Giáo viên**	**40**													
1	Nhà trẻ	2				1	1								
2	Mẫu giáo	38			35	2	1			3	34				
II	**Cán bộ quản lý**	**3**													
1	Hiệu trưởng	1			1						1				
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1						2				
III	**Nhân viên**	**16**													
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác	14			1		1	12							

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- CBQL: 3 đ/c. Trong đó xếp loại tốt 2/3 đ/c = 67%, khá 1/3 đ/c = 33%
- Giáo viên: 39 đ/c. Trong đó xếp loại tốt 8/22 đ/c = 36,4%. Xếp loại khá 14/22 đ/c = 63,6% (01 GV HĐ chưa đủ thời gian xét)

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên hàng năm theo quy định

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 42 đ/c = 100%. Trong đó: CBQL: 3 đ/c/: GV: 39 đ/c

III. THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CƠ SỞ GDMN

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Tổng số phòng**	29	Số m^2/trẻ em
II	**Loại phòng học**	20	
1	Phòng học kiên cố	20	0,99
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
III	**Số điểm trường**	1	
IV	**Tổng diện tích đất toàn trường** (m^2)	4.646,7	10,41
V	**Tổng diện tích sân chơi** (m^2)	1600	2,25
VI	**Tổng diện tích một số loại phòng**		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m^2)	63	1,8
2	Diện tích phòng ngủ (m^2)	63	1,8
3	Diện tích phòng vệ sinh (m^2)	18	0,51
4	Diện tích hiên chơi (m^2)	32,4	0,92
5	*Diện tích phòng giáo dục thể chất (m^2)*	1	97,07
6	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m^2)*	1	63
7	Diện tích nhà bếp và kho (m^2)	115,5	28.73
VII	**Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu** (Đơn vị tính: Bộ)	1200	2,42
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện	1200	2,42

	có theo quy định		
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	**Tổng số đồ chơi ngoài trời**	35	Sân trường
1	Ti vi	17	Lớp học
2	Nhạc cụ (Đàn Ocgan, ghi ta, trống)	10	Phóng ÂN
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	Lớp học
4	Đồ chơi ngoài trời	**35**	Sân trường
IX	**Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)**	11	
1	Máy chiếu	01	
2	Máy vi tính	10	
X	**Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác** (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Có danh mục cụ thể trong hồ sơ tài sản
1	Bàn ghế đúng qui cách	550	

		Số lượng(m^2)				
XI	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/trẻ em	
		Nam /Nữ	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20/20	0	0	0,2	0.2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XII	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	X	
XIII	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	X	
XIV	**Kết nối internet**	X	
XV	**Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục**	X	
XVI	**Tường rào xây**	X	

IV. THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2024- 2025

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo 5-6		
			3-12 tháng	13-24 tháng	25-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	521						
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0						
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	521						
4	Số trẻ em khuyết tật học	0						
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú**	521						
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe**	470			15	81	144	230
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ**	521						
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	517			22	99	159	237
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân.	2			0	1	0	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	518			22	100	160	236
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể chiều cao	3			0	1	0	2
8	Số trẻ thừa cân béo phì	2			0	1	1	0
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**							
a	Chương trình giáo dục nhà trẻ							
b	Chương trình giáo dục mẫu giáo							

V. CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2024- 2025(thời điểm tháng 5/2024)

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	**Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được**		A. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE 1. Tổ chức ăn - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: *+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.* *+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.* - Số bữa ăn tại trường: Một bữa chính và hai bữa phụ. *+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. *+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:* Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. 2. Tổ chức ngủ Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). 3. Vệ sinh - Vệ sinh cá nhân. - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải. 4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn - Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển cân nặng

			và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. B. GIÁO DỤC 1. Giáo dục phát triển thể chất Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe. *a) Phát triển vận động* - Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp. - Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động. - Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ. *b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe* - Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe. - Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. - Giữ gìn sức khỏe và an toàn. 2. Giáo dục phát triển nhận thức *a) Khám phá khoa học* - Các bộ phận của cơ thể con người. - Đồ vật. - Động vật và thực vật. - Một số hiện tượng tự nhiên. *b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán* - Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm. - Xếp tương ứng. - So sánh, sắp xếp theo quy tắc. - Đo lường. - Hình dạng.

			- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát. - Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. *b) Nói* - Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt. - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau. - Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện. - Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp. *c) Làm quen với việc đọc, viết* - Làm quen với cách sử dụng sách, bút. - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống. - Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách. 4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội *a) Phát triển tình cảm* - Ý thức về bản thân. - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. *b) Phát triển kỹ năng xã hội* - Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. - Quan tâm bảo vệ môi trường. 5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ a) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.
II	**Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non của**		**A. CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN** Nhà trường đã triển khai và thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN- BGDĐT ngày 13 tháng14 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.

	nhà trường thực hiện		**B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH** 1. PHÂN PHỐI THỜI GIAN Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của nhà trường. Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT **Thời gian** **Hoạt động** 80 - 90 phút Đón trẻ, chơi, thể dục sáng 30 - 40 phút Học 40 - 50 phút Chơi, hoạt động ở các góc 30 - 40 phút Chơi ngoài trời 60 - 70 phút Ăn bữa chính 140 - 150 phút Ngủ 20 - 30 phút Ăn bữa phụ 70 - 80 phút Chơi, hoạt động theo ý thích 60 - 70 phút Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ * Nội dung của các lĩnh vực giáo dục chủ yếu được tổ chức thực hiện theo hướng tích hợp và tích hợp theo các chủ đề gần gũi thông qua các hoạt động đa dạng, thích hợp với trẻ và điều
III	**Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển**		- Phát triển thể chất: 97,46% - Phát triển nhận thức: 97,58% - Phát triển ngôn ngữ: 98,02% - Phát triển tình cảm - kỷ năng xã hội: 98,55% - Phát triển thẩm mỹ: 99,34%

IV	**Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non.**		- Phối hợp trạm y tế khám sức khỏe cho trẻ: 01 lần/ năm học. - Cân đo, chấm biểu đồ tăng trưởng cho trẻ: 04 lần/ năm học. Đối với trẻ SDD, thừa cân, béo phì: cân đo, chấm biểu đồ hàng tháng. - Tổ chức các hoạt động lễ hội: trung thu, mùa xuân, ngày tết của cô giáo, sự kiện 8/3. - Tổ chức Hội thi "Bé với an toàn giao thông" cấp trường; " Biểu diễn văn nghệ chào mừng 20/11"; "Lễ Hội mừng Xuân" - Tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế: tham quan trường tiểu học. Tổ chức các tiệc buffe . Cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh, Aerobic...

VI. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 tháng 01 năm 2021.

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá: Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào thi đua, công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường ngày được nâng cao.

VII. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GDMN

*** Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em năm học 2024- 2025**

a. Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng

Thông tin	Số lượng	Tỉ lệ	Đánh giá
Trẻ ăn bán trú tại trường	521	100	Đạt
Trẻ suy dinh dưỡng về cân nặng	2	0.38	Đạt
Trẻ suy dinh dưỡng về chiều cao	3	0.57	Đạt
Trẻ béo phì	2	0.38	Đạt
Trẻ khuyết tật học hòa nhập			Đạt
Trẻ đến trường được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần	521/521	100	Đạt

b. Chất lượng giáo dục

Thông tin	Số lượng	Tỉ lệ	Đánh giá
Trẻ học 2 buổi/ngày	521	100%	Đạt
Tỉ lệ chuyên cần của trẻ	512	95,7%	Đạt
Tỉ lệ bé ngoan	456	85,2%	Đạt
Kết quả đạt yêu cầu mục tiêu GD			
+ Trẻ nhà trẻ đạt yêu cầu	28	100%	Đạt
+ Trẻ MG 3 tuổi đạt yêu cầu	125	100%	Đạt
+ Trẻ MG 4 tuổi đạt yêu cầu	180	100%	Đạt
+ Trẻ MG 5 tuổi đạt yêu cầu	202	100%	Đạt
Trẻ 5 tuổi hoàn thành CTGDMN	202	100%	Đạt

VIII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm học 2023 -2024	Năm 2024 -2025
I	Tổng kinh phí NSNN cấp	5.938.420.065đ	9.355.000.000
1	Chi lương và các khoản phụ cấp theo quy đinh	5.365.480.323 đ	8.796.000.000
2	Chi các hoạt động khác	572.939.742 đ	559.000.000
II	Tiền học phí theo quy định	289.320.000 đ	151.500.000
III	Nguồn thu dịch vụ phục vụ học sinh	4.699.506.254	4.708.555.041
IV	Nguồn kinh phí vận động tài trợ	0	0

IX. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Công tác chỉ đạo thực hiện các văn bản quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo

Tổ chức phổ biến quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, các luật, nghị quyết mới ban hành và các văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin đổi mới hình thức, nội dung triển khai tuyên truyền các văn bản cấp trên đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường.

Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; bám sát các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Giáo dục năm học 2024 - 2025; tập trung tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật mới ban hành liên quan đến quản lý nhà nước về GD&ĐT; Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong công tác quản lí các hoạt động giáo dục theo quy định phát huy vai trò tham gia xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, giám sát, quản lí, sử dụng các nguồn lực để tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường hiệu quả. Thực hiện công tác công khai đầy đủ, kịp thời đúng quy định về công khai mục tiêu chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả thực hiện theo quy định.

1. Nâng cao chất lượng hoạt động, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Thực hiện nghiêm túc công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em ở trường, bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định; số bữa ăn đáp ứng nhu cầu khuyến nghị, phân bố bữa ăn phù hợp với từng độ tuổi, các bữa ăn của trẻ hàng ngày đảm bảo chất lượng đủ dinh dưỡng, thời gian tổ chức ăn cho trẻ thực hiện theo lịch sinh hoạt hằng ngày bảo đảm đúng quy định tại Chương trình giáo dục mầm non. Thường xuyên giáo dục trẻ kĩ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khoẻ; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khoẻ, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế. Tổ chức cân, đo trẻ theo quý 3 lần/ năm học. Phối hợp chế độ dinh dưỡng và vận động phù hợp đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì. Đặc biệt năm học 2024 - 2025 nhà trường tăng cường lồng ghép giáo dục phát triển vận động và dinh dưỡng để phát triển thể chất, thể lực cho trẻ. Bảo đảm hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn. Tăng cường huy động nguồn lực đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ công tác nuôi dưỡng hiện đại, đa dạng các hình thức tuyên truyền đến các bậc cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng hợp lý giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất và phòng chống dịch bệnh bằng các Video, Zalo, Viber, trang thông tin điện tử. Chủ động phối hợp với Trung tâm ngoại ngữ và gia đình của trẻ để tổ chức làm quen với tiếng Anh theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT, cho trẻ tiếp cận công nghệ số giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em mẫu giáo đảm bảo chất lượng, đúng theo các quy định hiện hành và đáp ứng nhu cầu của gia đình trẻ. Tăng cường lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục hiệu quả như: giáo dục giới, an toàn giao thông, kĩ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu… Tiếp tục áp dụng mô hình và phương pháp giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

2. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, công tác bồi dưỡng đội ngũ

Tăng cường công tác quản lý và bồi dưỡng nâng cao đạo đức nhà giáo, trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu thương và trách nhiệm bảo vệ trẻ. Xây dựng các nội dung bồi dưỡng kĩ năng giao tiếp, kĩ năng ứng xử xã hội, nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, triển khai thực hiện hiệu quả bộ quy tắc ứng xử của nhà trường đã xây dựng. Đổi mới phương pháp giáo dục, các hoạt động giáo dục linh hoạt, sáng tạo. Thực hiện và điều chỉnh phù hợp, đáp ứng được các nhu cầu, khả năng khác nhau của trẻ em và điều kiện thực tiễn của trường, lớp. Nâng cao năng lực cho đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực hiện thí điểm Chương trình giáo dục mầm non mới.

Thường xuyên bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, khuyến khích giáo viên tự học và khai thác nguồn tài liệu, học liệu hữu ích thông qua nhiều hình thức khác nhau,tăng cường giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm giữa các tổ chuyên môn và các trường trong và ngoài huyện, ngoài tỉnh. Đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN và bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ ở trường. Đổi mới các hoạt động sinh hoạt chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực đội ngũ về phát triển chương trình giáo dục chung của nhà trường, chia sẻ, hỗ trợ giữa CBQL- GV và GV-GV trong xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, của từng lớp phù hợp với văn hoá địa phương thông qua tổ chức các hoạt động ngày hội, ngày lễ trong năm học. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và quản lí nhóm, lớp đáp ứng yêu cầu về quản lí trẻ em, cán bộ, giáo viên, nhân viên có ý thức quản lí cơ sở vật chất và quản lí hồ sơ, sổ sách của từng nhóm, lớp theo quy định. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với giáo viên theo quy định hiện hành. Quan tâm chăm lo đến đội ngũ giáo viên hợp đồng của nhà trường.

3. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; chuẩn bị cho phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo (3-5 tuổi)

Nghiêm túc triển khai các văn bản chỉ đạo về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đảm bảo các quy định về điều kiện quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục xóa mù chữ năm 2024. Điều tra phổ cập, cập nhật số liệu phần mềm chính xác, quản lý dữ liệu PCGD mầm non trẻ 5 tuổi trên hệ thống, hoàn thiện hồ sơ theo phân cấp đúng tiến độ. Ứng dụng CNTT trong lưu trữ hồ sơ phổ cập. Rà soát, bổ sung đảm bảo các điều kiện CSVC và đội ngũ để thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, tiến tới đạt chuẩn phổ cập GDMG vào năm 2025. Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách hỗ trợ theo quy định cho trẻ và giáo viên kịp thời đúng quy định.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

Đẩy mạnh CBQL, GV sử dụng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong công tác quản trị, quản lý và trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Khai thác và sử dụng kho học liệu số trong phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý (Phần mềm KĐCLGD, Phần mềm liên thông 3 cấp, phần mềm cơ sở dữ liệu, phần mềm công chức viên chức, cổng thông tin điện tử…).

5. Phát động phong trào thi đua, đẩy mạnh công tác truyền thông

Tiếp tục phát động và tổ chức các phong trào thi đua phù hợp với thực tiễn địa phương; nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình hay tạo sức lan tỏa tích cực trong toàn ngành để biểu dương, khen thưởng. Chủ động đẩy mạnh hoạt động thông tin, truyền thông; quán triệt sâu sắc về các chủ trương, quy định, chính sách mới của ngành, địa phương, của nhà trường, đặc biệt tuyên truyền Kết luận số 91-KL/TW của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế". Chú trọng việc đẩy mạnh truyền thông về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em bằng nhiều hình thức, đa dạng trong các kênh truyền thông, lồng ghép các hình thức và phương tiện truyền thông đảm bảo hiệu quả, phù hợp, có sức lan toả sâu rộng nhằm thúc đẩy công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và đoàn thể, tổ chức xã hội cùng chăm lo phát triển GDMN. Tăng cường phối hợp, xử lý hiệu quả công tác truyền thông, các vấn đề xã hội quan tâm để nhân dân, phụ huynh hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đồng hành cùng với nhà trường trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05/CT-TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Thực hiện nề nếp, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, nâng cao đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm học 2024 -2025 của trường Mầm non Hoạ Mi theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và thoe kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học của trường./.

Hình thức công khai:
- PGD&ĐT (B/c);
- Website của trường;
- Lưu: VT.,

HIỆU TRƯỞNG

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI - T.BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG MẦM NON HỌA MI

Đồng Thị Huệ